TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST Ngày 16-3-2020 V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Lương Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Trọng Lâm;

Bà Nguyễn Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn Th, sinh năm 1988; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Ng T, thị trấn L Th, huyện L Th, tỉnh Phú Thọ. Hiện anh Th đang lao động tại Nhật Bản.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1991; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 6, thôn Tr Đ, xã H D, huyện H H, tỉnh Thái Bình. Chị Ng hiện đang lao động tại Nhật Bản.

(Anh Th, chị Ng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Vũ Văn Th trình bày văn bản gửi đến Tòa án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ng tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/02/2017 tại Lãnh sự quán Fukuoka – Nhật Bản. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, sau đó do tính cách không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Vợ chồng anh nhiều lần ngồi lại nói chuyện để giảm bớt căng thẳng nhưng không có tác dụng, mâu thuẫn vẫn ngày một căng

thẳng, hai vợ chồng anh không quan tâm, không chăm sóc nhau và đến năm 2018 sống ly thân. Cả anh và chị Ng đều vẫn làm việc tại Nhật Bản nhưng không gặp nhau. Nay anh Th xác định cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị Ng.

+Về nuôi con chung: Vợ chồng anh không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ng trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/02/2017 tại Lãnh sự quán Fukuoko – Nhật Bản. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc tại thành phố Osaka – Nhật Bản. Sau đó do quan điểm, tính tình không hợp nên vợ chồng chị thường phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù hai vợ chồng đã tìm cách tháo gỡ nhưng vẫn không giải quyết được nên mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn. Mâu thuẫn trầm trọng nên đến năm 2018 vợ chồng chị sống ly thân, cả hai không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay anh Th làm đơn xin ly hôn chị, chị đồng ý.

+ Về nuôi con chung: Vợ chồng chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Ng tự nguyện nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Th và chị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân của anh Vũ Văn Th và chị Nguyễn Thị Ng là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cả hai bên đã tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả, xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh Th làm đơn xin ly hôn, chị Ng cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Th và chị Ng đã trầm trọng, cả hai không còn quan tâm đến nhau, không muốn duy trì cuộc sống hôn nhân và đã sống ly thân từ năm 2018, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, Tòa án cần chấp nhận cho

anh Th được ly hôn chị Ng là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh Th và chị Ng đều trình bày vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không đặt ra giải quyết về con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th và chị Ng đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn Th được ly hôn chị Nguyễn Thị Ng.

2. Về nuôi con chung và tài sản chung: Anh Th và chị Ng không có con chung, không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Th đã nộp tại biên lai số 0009242 ngày 21/01/2020 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình sang thành án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Vũ Văn Th và chị Nguyễn Thị Ng. Anh Th và chị Ng có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *UBND xã H D, h. H H;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hải Yến